

Câu 1: Đặt điện áp xoay chiều $u = U_0 \cos 2\pi ft$ (V) có U_0 không đổi và f thay đổi được vào hai đầu đoạn mạch có R, L, C mắc nối tiếp. Khi $f = f_0$ thì trong đoạn mạch có cộng hưởng điện. Giá trị của f_0 là

- A. $\frac{2}{\sqrt{LC}}$. B. $\frac{2\pi}{\sqrt{LC}}$. C. $\frac{1}{\sqrt{LC}}$. D. $\frac{1}{2\pi\sqrt{LC}}$.

Câu 2: Khi cho vật 1 là quả cầu kim loại đang trung hoà về điện tiếp xúc với vật 2 đang nhiễm điện dương thì vật 1 cũng nhiễm điện dương, là do

- A. ion âm từ vật 1 di chuyển sang vật 2. B. ion dương từ vật 2 di chuyển sang vật 1.
C. electron di chuyển từ vật 1 sang vật 2. D. electron di chuyển từ vật 2 sang vật 1.

Câu 3: Khi xảy ra hiện tượng cộng hưởng cơ thì vật tiếp tục dao động

- A. với tần số nhỏ hơn tần số dao động riêng. B. với tần số bằng tần số dao động riêng.
C. mà không chịu ngoại lực tác dụng. D. với tần số lớn hơn tần số dao động riêng.

Câu 4: Đặc trưng nào sau đây là đặc trưng sinh lí của âm?

- A. Tần số âm. B. Cường độ âm. C. Độ cao của âm. D. Mức cường độ âm.

Câu 5: Lượng năng lượng mà sóng âm tải qua một đơn vị diện tích đặt vuông góc với phương truyền sóng trong một đơn vị thời gian gọi là

- A. mức cường độ âm. B. năng lượng âm. C. cường độ âm. D. độ to của âm.

Câu 6: Máy phát điện xoay chiều một pha có phần cảm gồm p cặp cực nam châm, roto quay với tốc độ n vòng/s. Tần số của dòng điện do máy phát ra là

- A. $f = np$. B. $f = 2np$. C. $f = \frac{np}{60}$. D. $f = 60np$.

Câu 7: Từ trường đều có các đường sức từ là

- A. các đường thẳng.
B. các đường thẳng song song và cách đều nhau.
C. các đường thẳng song song.
D. các đường cong khép kín.

Câu 8: Một sóng âm có tần số 200 Hz lan truyền trong môi trường nước với vận tốc 1500 m/s. Bước sóng của sóng này trong môi trường nước là

- A. 3,0 m. B. 7,5 m. C. 30,5 m. D. 75,0 m.

Câu 9: Đặt điện áp xoay chiều $u = U\sqrt{2} \cos \omega t$ ($\omega > 0$) vào hai đầu một cuộn cảm thuần có độ tự cảm L thì cảm kháng của cuộn cảm là

- A. $Z_L = \omega^2 L$. B. $Z_L = \omega L$. C. $Z_L = \frac{1}{\omega^2 L}$. D. $Z_L = \frac{1}{\omega L}$.

Câu 10: Một sóng cơ hình sin truyền theo chiều dương của trục Ox . Khoảng cách giữa hai điểm gần nhau nhất trên Ox mà phần tử môi trường ở đó dao động cùng pha nhau là

- A. một phần tư bước sóng. B. hai bước sóng.
C. một nửa bước sóng. D. một bước sóng.

Câu 11: Kính lúp đơn giản được cấu tạo bởi một

- A. lăng kính thủy tinh có góc chiết quang nhỏ.
B. thấu kính phân kì có tiêu cự ngắn.
C. lăng kính thủy tinh có góc chiết quang là góc vuông.
D. thấu kính hội tụ có tiêu cự ngắn.

Câu 12: Dòng điện trong kim loại là dòng dịch chuyển có hướng của

- A. các ion, electron trong điện trường.
B. các ion âm, electron tự do ngược chiều điện trường.
C. các electron tự do ngược chiều điện trường.
D. các electron, lỗ trống theo chiều điện trường.

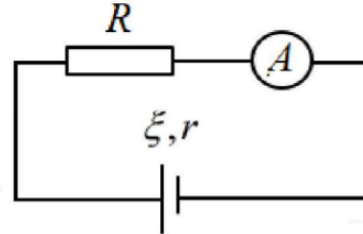
Câu 26: Đặt điện áp $u = 200\sqrt{2} \cos(100\pi t)$ (V) vào hai đầu đoạn mạch gồm điện trở thuần $R = 100 \Omega$, tụ điện có điện dung $C = \frac{10^{-4}}{2\pi}$ F và cuộn cảm thuần có độ tự cảm $L = 1/\pi$ H mắc nối tiếp. Cường độ dòng điện cực đại qua đoạn mạch là

- A. 1A. B. $2\sqrt{2}$ A. C. $\sqrt{2}$ A. D. 2 A.

Câu 27: Đặt một vật sáng AB trên trục chính của thấu kính hội tụ L và vuông góc với trục chính cho ảnh A'B', ảnh này được hứng trên một màn E đặt cách vật một khoảng 1,8m. Ảnh thu được cao gấp 0,2 lần vật. Tiêu cự của thấu kính là

- A. 25cm. B. 6cm. C. 12cm. D. 10cm.

Câu 28: Cho mạch điện như hình vẽ, bỏ qua điện trở của dây nối và ampe kế, nguồn điện có $\xi = 3V$; $r = 1\Omega$, ampe kế lý tưởng chỉ 0,5A. Giá trị của điện trở R là



- A. 2Ω . B. 3Ω . C. 5Ω . D. 1Ω .

Câu 29: Một máy biến áp lý tưởng có số vòng dây của cuộn sơ cấp và số vòng dây của cuộn thứ cấp lần lượt là N_1 và $N_2 = 120$ vòng. Đặt điện áp xoay chiều có giá trị hiệu dụng 220V vào hai đầu cuộn sơ cấp thì điện áp hiệu dụng giữa hai đầu cuộn thứ cấp để hở là 6V. Giá trị của N_1 là

- A. 2200 vòng. B. 4400 vòng. C. 1100 vòng. D. 2400 vòng.

Câu 30: Dòng điện chạy trong dây dẫn thẳng dài có cường độ 0,5 A đặt trong không khí. Cảm ứng từ tại điểm M cách dòng điện 5 cm có độ lớn bằng

- A. $2 \cdot 10^{-6}$ T. B. $2 \cdot 10^{-8}$ T. C. $6,3 \cdot 10^{-8}$ T. D. $6,3 \cdot 10^{-6}$ T.

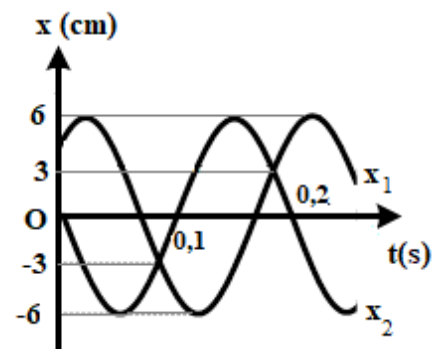
Câu 31: Sóng cơ truyền trên một sợi dây đàn hồi rất dài với tốc độ là 4 m/s. Hai điểm trên dây cách nhau 40 cm luôn dao động vuông pha nhau. Biết tần số sóng có giá trị trong khoảng từ 8 Hz đến 13 Hz. Giá trị của tần số sóng là

- A. 12,0 Hz. B. 8,5 Hz. C. 10,0 Hz. D. 12,5 Hz.

Câu 32: Một con lắc lò xo treo thẳng đứng. Tại vị trí cân bằng lò xo dãn 3(cm). Bỏ qua mọi lực cản. Kích thích cho vật dao động điều hòa theo phương thẳng đứng thì thấy trong một chu kì thời gian lò xo nén bằng $1/3$ lần thời gian lò xo bị dãn. Biên độ dao động của vật bằng

- A. 6cm. B. $3\sqrt{3}$ cm. C. $3\sqrt{2}$ cm. D. 4cm.

Câu 33: Một chất điểm tham gia đồng thời hai dao động điều hòa cùng phương cùng tần số, đồ thị phụ thuộc của li độ vào thời gian biểu diễn như trên hình vẽ. Phương trình dao động tổng hợp của 2 dao động là



- A. $x = 6\cos(5\pi t + \pi/4)$ (cm). B. $x = 8\cos(5\pi t + \pi/3)$ (cm).
C. $x = 6\cos(10\pi t + \pi/6)$ (cm). D. $x = 8\cos(10\pi t + \pi/8)$ (cm).

Câu 34: Đặt điện áp xoay chiều tần số 50Hz vào hai đầu đoạn mạch AB gồm hai đoạn mạch AM và MB mắc nối tiếp. Đoạn AM gồm điện trở thuần $R = 100\sqrt{3}\Omega$ mắc nối tiếp với cuộn cảm thuần có độ tự cảm L, đoạn MB chỉ có tụ điện có điện dung $C = \frac{0,05}{\pi}$ (mF). Biết điện áp giữa hai đầu đoạn mạch MB và điện áp giữa hai đầu đoạn mạch AB lệch pha nhau $\frac{\pi}{3}$. Giá trị L bằng

- A. $\frac{2}{\pi}$ (H). B. $\frac{3}{\pi}$ (H). C. $\frac{\sqrt{3}}{\pi}$ (H). D. $\frac{1}{\pi}$ (H).

Câu 35: Một vật dao động điều hòa có độ lớn vận tốc cực đại và độ lớn gia tốc cực đại lần lượt là 5π cm/s và $5m/s^2$. Lấy $\pi^2 = 10$. Tần số dao động của vật là

A. 5Hz.

B. 3Hz.

C. 4Hz.

D. 2Hz.

Câu 36: Điện được truyền tải từ trạm phát điện đến một máy hạ áp của một khu dân cư bằng đường dây tải điện một pha. Biết rằng khi điện áp hiệu dụng giữa hai đầu dây tại trạm phát là 1,1kV thì hiệu suất truyền tải là 75%. Biết công suất tiêu thụ của khu dân cư không đổi, nếu điện áp hiệu dụng giữa hai đầu dây tại trạm phát là 4,4kV thì hiệu suất truyền tải lúc này là

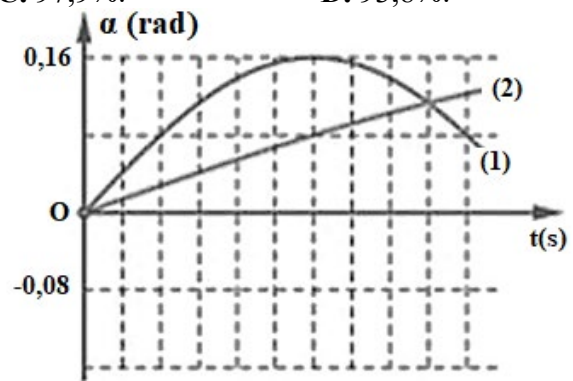
A. 95,4%.

B. 98,8%.

C. 97,9%.

D. 93,8%.

Câu 37: Một sợi dây nhẹ không dẫn dài 1,6 m được cắt thành hai sợi dây có chiều dài l_1 và l_2 để làm thành hai con lắc đơn có chiều dài tương ứng. Cho hai con lắc đơn này dao động điều hòa ở cùng một nơi có gia tốc trọng trường $g = 9,787\text{m/s}^2$ và trong cùng một mặt phẳng thẳng đứng. Hình bên là đồ thị biểu diễn sự phụ thuộc của các li độ góc α của mỗi con lắc vào thời gian t. Không kể thời điểm $t = 0$, thời điểm thứ hai các dây treo của hai con lắc song song với nhau gần nhất với giá trị nào sau đây?



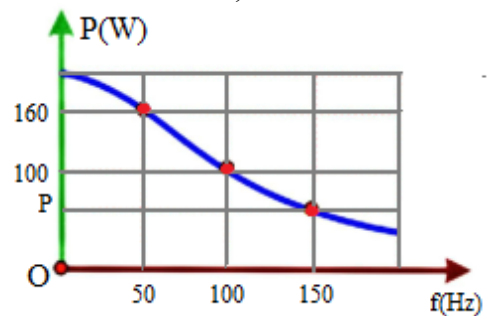
A. 1,205 s.

B. 3,61 s.

C. 0,905 s.

D. 2,71 s.

Câu 38: Đặt một điện áp xoay chiều $u = U\sqrt{2}\cos 2\pi ft$ V (U không đổi còn f thay đổi được) vào hai đầu một đoạn mạch gồm một điện trở thuần R, cuộn cảm thuần có hệ số tự cảm L ghép nối tiếp. Hình bên là đồ thị biểu diễn sự phụ thuộc của công suất tiêu thụ trên mạch khi tần số f thay đổi. Giá trị của công suất P gần nhất với giá trị nào sau đây?



A. 65 W.

B. 63 W.

C. 62 W.

D. 60 W.

Câu 39: Trên mặt nước có hai nguồn đồng bộ A và B có tần số f giao thoa với nhau. Quan sát trong vùng giao thoa trên đoạn AB có 8 điểm dao động với biên độ cực đại ngược pha với O (trong đó O là trung điểm đoạn AB) và cực đại gần B nhất là cực đại đồng pha với O. Xét hình chữ nhật ABCD với $AB = 2CB$, khi đó C là một điểm ngược pha với nguồn và độ lệch pha hai sóng tới tại C là $\Delta\varphi^*$ thỏa mãn điều kiện $10,5\pi < \Delta\varphi^* < 11\pi$. Biết M là cực đại nằm trên CD và cách đường trung trực một đoạn ngắn nhất bằng 7,12cm. Khoảng cách AB gần giá trị nào nhất sau đây?

A. 96cm.

B. 87cm.

C. 89cm.

D. 80cm.

Câu 40: Hai con lắc lò xo giống hệt nhau được treo trên một giá đỡ nằm ngang cách nhau 16 cm ở nơi có gia tốc rơi tự do $g = \pi^2$ (m/s²). Hai con lắc đều dao động điều hòa theo phương thẳng đứng với cùng biên độ, cùng chu kỳ T (T > 0,3 s) nhưng không cùng pha với nhau. Gọi F_1 và F_2 lần lượt là độ lớn lực đàn hồi của mỗi con lắc trong quá trình dao động. Biết rằng cứ sau khoảng thời gian bằng $0,4/3$ (s) thì $F_1 = F_2 = F$. Khoảng cách xa nhất có thể giữa hai vật nặng của các con lắc gần nhất với giá trị nào sau đây?

A. 31,8 cm.

B. 22,6 cm.

C. 36,7 cm.

D. 43,7 cm.

----- HẾT -----

Mã đề 121		Mã đề 122		Mã đề 123		Mã đề 124		Mã đề 125		Mã đề 126	
1	D	1	A	1	D	1	C	1	D	1	B
2	C	2	D	2	A	2	C	2	A	2	C
3	B	3	D	3	A	3	A	3	C	3	B
4	C	4	B	4	D	4	D	4	D	4	B
5	C	5	D	5	C	5	B	5	A	5	D
6	A	6	B	6	B	6	D	6	D	6	C
7	B	7	C	7	D	7	C	7	D	7	D
8	B	8	D	8	D	8	C	8	A	8	C
9	B	9	D	9	D	9	B	9	C	9	C
10	D	10	C	10	D	10	B	10	C	10	B
11	D	11	D	11	B	11	C	11	D	11	D
12	C	12	A	12	D	12	A	12	C	12	B
13	D	13	D	13	B	13	B	13	C	13	D
14	D	14	D	14	C	14	C	14	B	14	D
15	D	15	C	15	A	15	D	15	C	15	A
16	C	16	B	16	D	16	D	16	C	16	C
17	D	17	A	17	C	17	D	17	B	17	A
18	A	18	B	18	C	18	C	18	A	18	A
19	A	19	B	19	A	19	C	19	B	19	B
20	B	20	A	20	D	20	D	20	D	20	B
21	C	21	D	21	C	21	B	21	B	21	A
22	B	22	D	22	B	22	A	22	A	22	D
23	A	23	C	23	A	23	A	23	D	23	A
24	A	24	B	24	D	24	D	24	C	24	A
25	B	25	B	25	A	25	B	25	B	25	B
26	D	26	C	26	B	26	A	26	B	26	B
27	A	27	C	27	A	27	B	27	B	27	A
28	C	28	A	28	B	28	A	28	A	28	A
29	B	29	B	29	A	29	A	29	A	29	D
30	A	30	A	30	B	30	D	30	D	30	C
31	D	31	A	31	A	31	D	31	A	31	C
32	C	32	C	32	C	32	A	32	D	32	B
33	C	33	A	33	C	33	C	33	C	33	C
34	D	34	A	34	C	34	B	34	B	34	D
35	A	35	C	35	A	35	C	35	D	35	C
36	B	36	C	36	B	36	A	36	A	36	D
37	C	37	B	37	C	37	D	37	B	37	A
38	C	38	A	38	B	38	B	38	C	38	D
39	B	39	B	39	C	39	A	39	B	39	A
40	A	40	A	40	C	40	C	40	A	40	C

Đáp án

1-D	2-B	3-B	4-A	5-D	6-D	7-A	8-B	9-C	10-A
11-D	12-D	13-C	14-B	15-A	16-A	17-C	18-D	19-D	20-A
21-A	22-D	23-A	24-A	25-C	26-A	27-C	28-C	29-A	30-A
31-A	32-D	33-D	34-C	35-D	36-A	37-D	38-D	39-D	40-C

LỜI GIẢI CHI TIẾT

Câu 1: Từ trường đều có các đường sức từ là

A. các đường thẳng.

B. các đường cong khép kín.

C. các đường thẳng song song.

D. các đường thẳng song song và cách đều

nhau.

☞ **Hướng dẫn:**

Chọn đáp án D

Từ trường đều là từ trường mà các đường sức từ là các đường thẳng song song và cách đều nhau.

Câu 2: Một sóng cơ hình sin truyền theo chiều dương của trục Ox. Khoảng cách giữa hai điểm gần nhau nhất trên Ox mà phần tử môi trường ở đó dao động cùng pha nhau là

A. hai bước sóng.

B. một bước sóng.

C. một phần tư bước sóng.

D. một nửa bước sóng.

☞ **Hướng dẫn:**

Chọn đáp án B

Khoảng cách giữa hai điểm gần nhau nhất trên Ox mà hai phần tử môi trường ở đó dao động cùng pha nhau là một bước sóng.

Câu 3: Đặc trưng nào sau đây là đặc trưng sinh lí của âm?

A. Tần số âm.

B. Độ cao của âm.

C. Cường độ âm.

D. Mức cường độ âm.

☞ **Hướng dẫn:**

Chọn đáp án B

Đặc trưng sinh lí của âm là: Độ cao, độ to và âm sắc.

→ Độ cao của âm là đặc trưng sinh lí của âm.

Câu 4: Kính lúp đơn giản được cấu tạo bởi một

A. thấu kính hội tụ có tiêu cự ngắn.

B. thấu kính phân kì có tiêu cự ngắn.

C. lăng kính thủy tinh có góc chiết quang nhỏ.

D. lăng kính thủy tinh có góc chiết quang là góc vuông.

Câu 5: Một con lắc lò xo gồm vật nhỏ có khối lượng m và lò xo nhẹ có độ cứng k đang dao động điều

hoà. Đại lượng $T = 2\pi\sqrt{\frac{m}{k}}$ được gọi là

A. biên độ dao động của con lắc.

B. tần số của con lắc.

C. tần số góc của con lắc.

D. chu kì của con lắc.

☞ **Hướng dẫn:**

Chọn đáp án D

Đại lượng $T = 2\pi\sqrt{\frac{m}{k}}$ là chu kì dao động của con lắc

Câu 6: Một con lắc lò xo gồm vật nhỏ có khối lượng m và lò xo nhẹ có độ cứng k đang dao động điều hoà. Khi vật qua vị trí có li độ x thì gia tốc của vật là

A. $a = -\frac{k}{2m}x$.

B. $a = -\frac{m}{2k}x$.

C. $a = -\frac{m}{k}x$.

D. $a = -\frac{k}{m}x$.

☞ **Hướng dẫn:**

Chọn đáp án D

Gia tốc của vật khi vật qua li độ x là: $a = -\omega^2 x = -\frac{k}{m}x$

Câu 7: Khi xảy ra hiện tượng cộng hưởng cơ thì vật tiếp tục dao động

- A. với tần số bằng tần số dao động riêng.
- B. với tần số lớn hơn tần số dao động riêng.
- C. với tần số nhỏ hơn tần số dao động riêng.
- D. mà không chịu ngoại lực tác dụng.

☞ **Hướng dẫn:**

Chọn đáp án A

Khi xảy ra hiện tượng cộng hưởng cơ thì vật tiếp tục dao động với tần số bằng tần số dao động riêng của hệ.

Câu 8: Trong quá trình truyền tải điện năng đi xa, biện pháp giảm hao phí trên đường dây tải điện được sử dụng chủ yếu hiện nay là

- A. giảm tiết diện dây.
- B. tăng điện áp trước khi truyền tải.
- C. giảm công suất truyền tải.
- D. tăng chiều dài đường dây.

☞ **Hướng dẫn:**

Chọn đáp án B

Ta có hao phí điện năng: $\Delta P = \frac{P^2}{U^2 \cos^2 \varphi} R \Rightarrow \begin{cases} \Delta P \sim \frac{1}{U^2} \\ \Delta P \sim R \end{cases}$

→ Phương án để giảm hao phí trên đường dây tải điện tối ưu nhất (được sử dụng chủ yếu hiện nay) là tăng điện áp trước khi truyền tải.

Câu 9 : Đặt điện áp xoay chiều $u = U\sqrt{2} \cos \omega t$ ($\omega > 0$) vào hai đầu một cuộn cảm thuần có độ tự cảm L thì cảm kháng của cuộn cảm là

- A. $Z_L = \omega^2 L$.
- B. $Z_L = \frac{1}{\omega L}$.
- C. $Z_L = \omega L$.
- D. $Z_L = \frac{1}{\omega^2 L}$.

☞ **Hướng dẫn:**

Chọn đáp án C

Cảm kháng của cuộn cảm là: $Z_L = \omega L$

Câu 10: Khi cho vật A là quả cầu kim loại đang trung hoà về điện tiếp xúc với vật B đang nhiễm điện dương thì A cũng nhiễm điện dương, là do

- A. electron di chuyển từ vật A sang vật B.
- B. electron di chuyển từ vật B sang vật A.
- C. ion dương từ vật B di chuyển sang vật A.
- D. ion âm từ vật A di chuyển sang vật B.

☞ **Hướng dẫn:**

Chọn đáp án A

Theo thuyết electron, khi cho vật A đang trung hoà về điện tiếp xúc với vật B đang nhiễm điện dương thì vật A cũng nhiễm điện dương, là do electron di chuyển từ vật A sang vật B

Câu 11 : Một sóng âm có tần số 200 Hz lan truyền trong môi trường nước với vận tốc 1500 m/s. Bước sóng của sóng này trong môi trường nước là

- A. 30,5 m.
- B. 3,0 m.
- C. 75,0 m.
- D. 7,5 m.

☞ **Hướng dẫn:**

Chọn đáp án D

Bước sóng của sóng này trong môi trường nước là: $\lambda = \frac{v}{f} = \frac{1500}{200} = 7,5\text{m}$

Câu 12: Đặt điện áp xoay chiều $u = U_0 \cos 2\pi ft$ (V) có U_0 không đổi và f thay đổi được vào hai đầu đoạn mạch có R, L, C mắc nối tiếp. Khi $f = f_0$ thì trong đoạn mạch có cộng hưởng điện. Giá trị của f_0 là

- A. $\frac{2}{\sqrt{LC}}$.
- B. $\frac{2\pi}{\sqrt{LC}}$.
- C. $\frac{1}{\sqrt{LC}}$.
- D. $\frac{1}{2\pi\sqrt{LC}}$.

☞ **Hướng dẫn:**

Chọn đáp án D

Khi có cộng hưởng điện: $Z_L = Z_C \Rightarrow \omega_0 L = \frac{1}{\omega_0 C} \Rightarrow \omega_0 = \frac{1}{\sqrt{LC}}$

→ Tần số khi cộng hưởng điện: $f_0 = \frac{\omega_0}{2\pi} = \frac{1}{2\pi\sqrt{LC}}$

Câu 13: Điện áp xoay chiều $u = 110\sqrt{2} \cos\left(100\pi t + \frac{\pi}{3}\right)$ (V) có giá trị hiệu dụng là

- A. $110\sqrt{2}$ V. B. $55\sqrt{2}$ V. C. 110 V. D. 220 V.

☞ **Hướng dẫn:**

Chọn đáp án C

Ta có: $u = 110\sqrt{2} \cos\left(100\pi t + \frac{\pi}{3}\right)$ (V) $\Rightarrow U_0 = 110\sqrt{2}$ V

Điện áp hiệu dụng: $U = \frac{U_0}{\sqrt{2}} = \frac{110\sqrt{2}}{\sqrt{2}} = 110$ V

Câu 14: Một chất điểm dao động điều hòa theo phương trình $x = 2\sqrt{2} \cos(5\pi t + 0,5\pi)$ (cm). Dao động của chất điểm có biên độ là

- A. $0,5\pi$ cm. B. $2\sqrt{2}$ cm. C. 2 cm D. 5π cm.

☞ **Hướng dẫn:**

Chọn đáp án B

Biên độ dao động của chất điểm trên là: $A = 2\sqrt{2}$ (cm)

Câu 15: Tại hai điểm A, B trên mặt nước nằm ngang có hai nguồn sóng cơ kết hợp, cùng biên độ, cùng pha, dao động theo phương thẳng đứng. Coi biên độ sóng lan truyền trên mặt nước không đổi trong quá trình truyền sóng. Phần tử nước thuộc trung điểm của đoạn AB

- A. dao động với biên độ cực đại.
B. dao động với biên độ cực tiểu.
C. không dao động.
D. dao động với biên độ bằng biên độ dao động của môi nguồn.

☞ **Hướng dẫn:**

Chọn đáp án A

Điều kiện có cực đại giao thoa: $d_2 - d_1 = k\lambda; k \in \mathbb{Z}$

Tại trung điểm của đoạn AB có: $d_2 = d_1 \Rightarrow d_2 - d_1 = 0 = 0\lambda$

Vậy phần tử nước thuộc trung điểm của đoạn AB dao động với biên độ cực đại.

Câu 16: Dòng điện trong kim loại là dòng dịch chuyển có hướng của

- A. các êlectron tự do ngược chiều điện trường.
B. các ion âm, êlectron tự do ngược chiều điện trường.
C. các ion, êlectron trong điện trường.
D. các êlectron, lỗ trống theo chiều điện trường.

☞ **Hướng dẫn:**

Chọn đáp án A

Dòng điện trong kim loại là dòng dịch chuyển có hướng của các êlectron tự do ngược chiều điện trường.

Câu 17: Lượng năng lượng mà sóng âm tải qua một đơn vị diện tích đặt vuông góc với phương truyền sóng trong một đơn vị thời gian gọi là

- A. mức cường độ âm. B. năng lượng âm. C. cường độ âm. D. độ to của âm.

☞ **Hướng dẫn:**

Chọn đáp án C

Lượng năng lượng mà sóng âm tải qua một đơn vị diện tích đặt vuông góc với phương truyền sóng trong một đơn vị thời gian là cường độ âm.

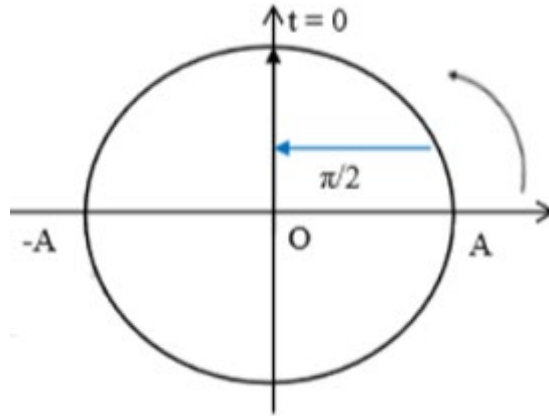
Câu 18: Đặt điện áp xoay chiều $u = U_0 \cos(100\pi t + \varphi)$ vào hai đầu đoạn mạch gồm điện trở thuần R, cuộn cảm thuần L và tụ điện C mắc nối tiếp. Cường độ dòng điện qua mạch có tần số bằng

- A. 50 Hz. B. 100π Hz. C. 100 Hz. D. 50 Hz.

☞ **Hướng dẫn:**

Chọn đáp án D

Cường độ dòng điện qua mạch có tần số bằng tần số của điện áp:



→ Gốc thời gian được chọn vào lúc vật qua VTCB theo chiều âm.

Câu 24: Một sóng cơ truyền dọc theo trục Ox. Phương trình dao động của phần tử môi trường tại một điểm trên phương truyền sóng là $u = 4\cos(20\pi t + 0,5\pi)$ (mm) (t tính bằng s). Chu kì của sóng cơ này là
A. 0,1 s. **B.** 0,5 s. **C.** 10 s. **D.** 5 s.

☞ **Hướng dẫn:**

Chọn đáp án A

Từ phương trình sóng, ta thấy tần số góc của sóng là: $\omega = 20\pi$ (rad/s)

$$\text{Chu kì sóng là: } T = \frac{2\pi}{\omega} = \frac{2\pi}{20\pi} = 0,1(\text{s})$$

Câu 25: Một máy biến áp lý tưởng có số vòng dây của cuộn sơ cấp và số vòng dây của cuộn thứ cấp lần lượt là N_1 và $N_2 = 120$ vòng. Đặt điện áp xoay chiều có giá trị hiệu dụng 220V vào hai đầu cuộn sơ cấp thì điện áp hiệu dụng giữa hai đầu cuộn thứ cấp để hở là 6V. Giá trị của N_1 là

A. 2200 vòng. **B.** 1100 vòng. **C.** 4400 vòng. **D.** 2400 vòng.

☞ **Hướng dẫn:**

Chọn đáp án C

$$\text{Máy biến áp lý tưởng có: } \frac{N_1}{N_2} = \frac{U_1}{U_2} \Rightarrow \frac{N_1}{120} = \frac{220}{6} \Rightarrow N_1 = 4400 \text{ vòng}$$

Câu 26: Đặt điện áp $u = 200\sqrt{2} \cos(100\pi t)$ (V) vào hai đầu đoạn mạch gồm điện trở thuần $R = 100 \Omega$, tụ

điện có điện dung $C = \frac{10^{-4}}{2\pi}$ F và cuộn cảm thuần có độ tự cảm $L = 1/\pi$ H mắc nối tiếp. Cường độ dòng

điện cực đại qua đoạn mạch là

A. 2 A. **B.** $\sqrt{2}$ A. **C.** 1A. **D.** $2\sqrt{2}$ A.

☞ **Hướng dẫn:**

Chọn đáp án A

$$\text{Cảm kháng của cuộn dây và dung kháng của tụ điện là: } \begin{cases} Z_L = \omega L = 100\pi \cdot \frac{1}{\pi} = 100(\Omega) \\ Z_C = \frac{1}{\omega C} = \frac{1}{100\pi \cdot \frac{10^{-4}}{2\pi}} = 200(\Omega) \end{cases}$$

$$\text{Cường độ dòng điện cực đại trong mạch là: } I_0 = \frac{U_0}{\sqrt{R^2 + (Z_L - Z_C)^2}} = \frac{200\sqrt{2}}{\sqrt{100^2 + (100 - 200)^2}} = 2(\text{A})$$

Câu 27: Một sợi dây dài 50 cm có hai đầu cố định. Trên dây đang có sóng dừng với hai bụng sóng. Sóng truyền trên dây có bước sóng là

A. 100 cm. **B.** 75 cm. **C.** 50 cm. **D.** 25 cm.

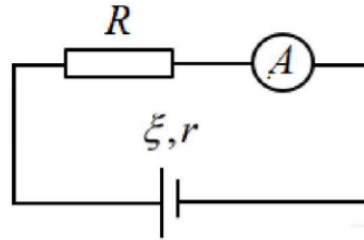
☞ **Hướng dẫn:**

Chọn đáp án C

Trên dây có sóng dừng với 2 bụng sóng → $k = 2$

Chiều dài dây là: $l = k \frac{\lambda}{2} \Rightarrow 50 = 2 \cdot \frac{\lambda}{2} \Rightarrow \lambda = 50(\text{cm})$

Câu 28: Cho mạch điện như hình vẽ, bỏ qua điện trở của dây nối và ampe kế, $\xi = 3\text{V}; r = 1\Omega$, ampe kế chỉ 0,5A. Giá trị của điện trở R là



A. 3Ω .

B. 2Ω .

C. 5Ω .

D. 1Ω .

Hướng dẫn:

Cường độ dòng điện chạy trong mạch: $I = 0,5\text{A}$

Áp dụng định luật Ôm đối với toàn mạch ta có: $I = \frac{\xi}{R+r} \Leftrightarrow 0,5 = \frac{3}{R+1} \Rightarrow R = 5\Omega$

Chọn C.

Câu 29: Dòng điện chạy trong dây dẫn thẳng dài có cường độ 0,5 A đặt trong không khí. Cảm ứng từ tại M cách dòng điện 5 cm có độ lớn bằng

A. $2 \cdot 10^{-6}\text{T}$.

B. $2 \cdot 10^{-8}\text{T}$.

C. $6,3 \cdot 10^{-8}\text{T}$.

D. $6,3 \cdot 10^{-6}\text{T}$.

Hướng dẫn:

Cảm ứng từ tại M cách dòng điện 5cm là: $B = 2 \cdot 10^{-7} \frac{I}{r} = 2 \cdot 10^{-7} \frac{0,5}{0,05} = 2 \cdot 10^{-6}\text{T}$

Chọn A.

Câu 30: Đặt một vật sáng AB trên trục chính của thấu kính hội tụ L và vuông góc với trục chính cho ảnh A'B', ảnh này được hứng trên một màn E đặt cách vật một khoảng 1,8m. Ảnh thu được cao gấp 0,2 lần vật. Tiêu cự của thấu kính là

A. 25cm.

B. 6cm.

C. 12cm.

D. 10cm.

Hướng dẫn:

Đáp án A

Ảnh hứng được trên màn \Rightarrow ảnh thật, ngược chiều với vật.

Ta có hệ phương trình:
$$\begin{cases} L = d + d' = 1,8\text{m} \\ k = -\frac{d'}{d} = -0,2 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} d + d' = 1,8\text{m} \\ d = 5d' \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} d = 1,5\text{m} \\ d' = 0,3\text{m} \end{cases}$$

Áp dụng công thức thấu kính ta có: $\frac{1}{f} = \frac{1}{d} + \frac{1}{d'} = \frac{1}{1,5} + \frac{1}{0,3} = 4 \Rightarrow f = 0,25\text{m} = 25\text{cm}$

Câu 31: Một vật dao động điều hòa có độ lớn vận tốc cực đại và độ lớn gia tốc cực đại lần lượt là $5\pi\text{ cm/s}$ và 5m/s^2 . Lấy $\pi^2 = 10$. Tần số dao động của vật là

A. 5Hz.

B. 4Hz.

C. 3Hz.

D. 2Hz.

Hướng dẫn:

Chọn đáp án A

Độ lớn vận tốc cực đại và độ lớn gia tốc cực đại của vật là:

$$\begin{cases} v_{\max} = \omega A = 5\pi(\text{cm/s}) \\ a_{\max} = \omega^2 A = 5(\text{m/s}^2) = 500(\text{cm/s}^2) \end{cases} \Rightarrow \omega = \frac{a_{\max}}{v_{\max}} = \frac{500}{5\pi} = \frac{100}{\pi}(\text{rad/s})$$

Tần số dao động của vật là:

$f = \frac{\omega}{2\pi} = \frac{100}{\pi \cdot 2\pi} = \frac{100}{2 \cdot 10} = 5(\text{Hz})$

Câu 32: Sóng cơ truyền trên một sợi dây đàn hồi rất dài với tốc độ là 4 m/s. Hai điểm trên dây cách nhau 40 cm luôn dao động vuông pha nhau. Biết tần số sóng có giá trị trong khoảng từ 8 Hz đến 13 Hz. Giá trị của tần số sóng

A. 12,0 Hz.

B. 8,5 Hz.

C. 10,0 Hz.

D. 12,5 Hz.

➤ **Hướng dẫn:**

Chọn đáp án D

$$\text{Độ lệch giữa 2 điểm: } \Delta\varphi = \frac{2\pi d}{\lambda} = (2k+1)\frac{\pi}{2} \Leftrightarrow \frac{2\pi d}{\frac{v}{f}} = (2k+1)\frac{\pi}{2} \Rightarrow f = \frac{2k+1}{4} \frac{v}{d} = \frac{2k+1}{4} \cdot \frac{4}{0,4}$$

$$\text{Lại có: } 8 < f < 13 \Leftrightarrow 8 < \frac{2k+1}{4} \cdot \frac{4}{0,4} < 13 \Leftrightarrow 1,1 < k < 2,1 \Rightarrow k = 2 \Rightarrow f = \frac{2 \cdot 2 + 1}{4} \cdot \frac{4}{0,4} = 12,5 \text{ Hz}$$

Câu 33 :

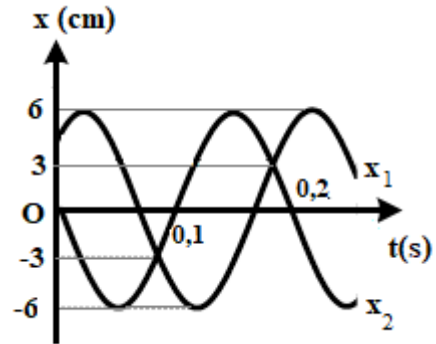
Một chất điểm tham gia đồng thời hai dao động điều hòa cùng phương cùng tần số, đồ thị phụ thuộc li độ vào thời gian biểu diễn như trên hình vẽ. Phương trình dao động tổng hợp của 2 dao động là

A. $x = 8\cos(5\pi t + \pi/3)$ (cm).

B. $x = 8\cos(10\pi t + \pi/8)$ (cm).

C. $x = 6\cos(5\pi t + \pi/4)$ (cm).

D. $x = 6\cos(10\pi t + \pi/6)$ (cm).



Hướng dẫn

Biên độ: $A_1 = A_2 = 6$ cm.

Chu kì: $T = 0,2\text{s} \rightarrow \omega = 2\pi/T = 10\pi$ (rad/s).

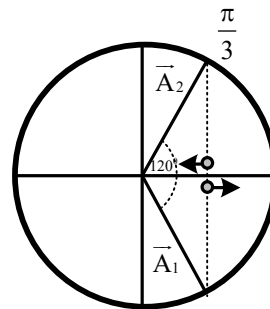
Đường x_2 cắt trục tung tại $x_2 = 0$ và đang có xu thế âm (đang đi theo chiều âm) nên:

$$x_2 = 6\cos(10\pi t + \pi/2) \text{ cm}$$

Đường x_1 cắt trục tung tại điểm có tung độ chưa xác định được nên để viết được biểu thức của x_2 ta phải căn cứ vào một điểm cắt của hai đồ thị. Tại điểm cắt $x = 3\text{cm} = A/2$ thì đường x_1 đi theo chiều dương (pha x_1 là $-\pi/3$) còn đường x_2 đi theo chiều âm (pha x_1 là $+\pi/3$) $\rightarrow x_2$ sớm pha hơn x_1 là $2\pi/3 \rightarrow x_1 = 6\cos(10\pi t + \pi/2 - 2\pi/3)$ (cm).

$$\Rightarrow x = x_1 + x_2 = 6\cos\left(-\frac{\pi}{6}\right) + 6\cos\left(\frac{\pi}{2}\right) = 6\cos\left(\frac{1}{6}\pi\right)$$

$$\rightarrow x = 6\cos(10\pi t + \pi/6) \rightarrow \text{Chọn D.}$$



Câu 34. Một con lắc lò xo treo thẳng đứng. Tại vị trí cân bằng lò xo dãn 3(cm). Bỏ qua mọi lực cản. Kích thích cho vật dao động điều hòa theo phương thẳng đứng thì thấy trong một chu kì thời gian lò xo nén bằng 1/3 lần thời gian lò xo bị dãn. Biên độ dao động của vật bằng

A. 6cm.

B. $3\sqrt{3}$ cm.

C. $3\sqrt{2}$ cm.

D. 4cm.

➤ **Hướng dẫn:**

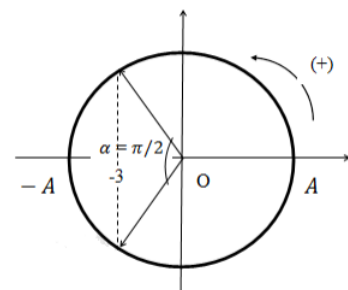
Thời gian lò xo nén ứng với vật ở trong khoảng li độ (-3; -A) như hình vẽ.

Theo bài ra thời gian lò xo nén = 1/3 thời gian lò xo dãn nên ta có:

$$t_n + t_g = T \Rightarrow t_n + 3t_n = T \Rightarrow t_n = \frac{T}{4}$$

Thời gian lò xo nén ứng với góc: $\alpha = \omega \cdot t_n = \frac{\pi}{2}$ rad

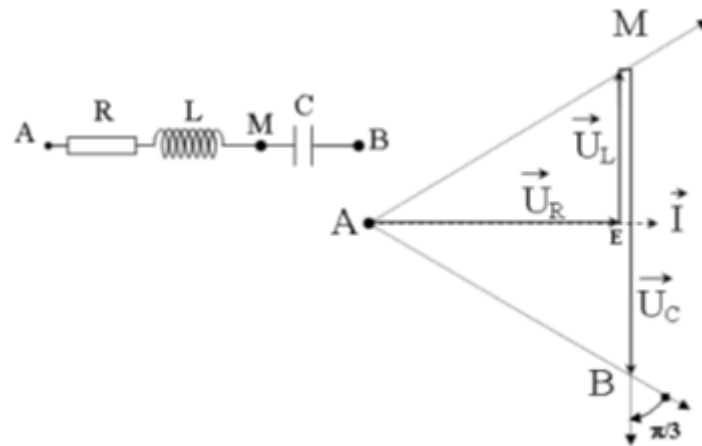
Từ đó ta được $A = 3\sqrt{2}$ cm. **Đáp án C**



Câu 35: Đặt điện áp xoay chiều tần số 50Hz vào hai đầu đoạn mạch AB gồm hai đoạn mạch AM và MB mắc nối tiếp. Đoạn AM gồm điện trở thuần $R = 100\sqrt{3}\Omega$ mắc nối tiếp với cuộn cảm thuần có độ tự cảm L , đoạn MB chỉ có tụ điện có điện dung $C = \frac{0,05}{\pi}$ (mF). Biết điện áp giữa hai đầu đoạn mạch MB và điện áp giữa hai đầu đoạn mạch AB lệch pha nhau $\frac{\pi}{3}$. Giá trị L bằng

- A. $\frac{2}{\pi}$ (H). B. $\frac{3}{\pi}$ (H). C. $\frac{\sqrt{3}}{\pi}$ (H). D. $\frac{1}{\pi}$ (H).

☞ **Hướng dẫn:**
Chọn đáp án D
 Ta có giản đồ:



Từ giản đồ, ta có: u trễ pha hơn i một góc $\frac{\pi}{6}$

$$\text{Ta có } \tan\left(-\frac{\pi}{6}\right) = \frac{Z_L - Z_C}{R} \Leftrightarrow -\frac{1}{\sqrt{3}} = \frac{\omega L - \frac{1}{\omega C}}{100\sqrt{3}} \Rightarrow L = \frac{1}{\pi} \text{ (H)}$$

Câu 36: Điện được truyền tải từ trạm phát điện đến một máy hạ áp của một khu dân cư bằng đường dây tải điện một pha. Biết rằng khi điện áp hiệu dụng giữa hai đầu dây tại trạm phát là 1,1kV thì hiệu suất truyền tải là 75%. Biết công suất tiêu thụ của khu dân cư không đổi, nếu điện áp hiệu dụng giữa hai đầu dây tại trạm phát là 4,4kV thì hiệu suất truyền tải lúc này là

- A. 98,8%. B. 98,4%. C. 97,9%. D. 93,8%.

☞ **Hướng dẫn:**
Chọn đáp án A

+ Gọi H là hiệu suất của quá trình truyền tải,

Công suất hao phí $\Delta P = (1 - H)P$

Công suất nơi tiêu thụ: $P' = HP$

+ Ban đầu: $H = 75\% = 0,75$

$$P' = 0,75P = 3\Delta P = \frac{3P_1^2 R}{U^2 \cos^2 \varphi}$$

$$+ \text{ Lúc sau hiệu suất là } H: P' = \frac{H}{1-H} \Delta P = \frac{H}{1-H} \frac{P_2^2 R}{U^2 \cos^2 \varphi}$$

$$+ \text{ Vì công suất tiêu thụ không đổi và } \begin{cases} P_1 = \frac{P'}{0,75} \\ P_2 = \frac{P'}{H} \end{cases} \text{ nên:}$$

$$\frac{3P_1^2 R}{U^2 \cos^2 \varphi} = \frac{H}{1-H} \cdot \frac{P_2^2 R}{U^2 \cos^2 \varphi} \Rightarrow \frac{3}{U^2 \cdot 0,75^2} = \frac{H}{(1-H)U^2 H^2} \Rightarrow \frac{3}{1,1^2 \cdot 0,75^2} = \frac{1}{(1-H)H \cdot 4,4^2} \Rightarrow H = 0,988 = 98,8\%$$

Câu 37: Trên mặt nước có hai nguồn đồng bộ A và B có tần số f giao thoa với nhau. Quan sát trong vùng giao thoa trên đoạn AB có 8 điểm dao động với biên độ cực đại ngược pha với O (trong đó O là trung điểm đoạn AB) và cực đại gần B nhất là cực đại đồng pha với O. Xét hình chữ nhật ABCD với AB = 2CB, khi đó C là một điểm ngược pha với nguồn và độ lệch pha hai sóng tới tại C là $\Delta\varphi^*$ thỏa mãn điều kiện $10,5\pi < \Delta\varphi^* < 11\pi$. Biết M là cực đại nằm trên CD và cách đường trung trực một đoạn ngắn nhất bằng 7,12cm. Khoảng cách AB **gần giá trị nào nhất** sau đây?

A. 89cm.

B. 80cm.

C. 96cm.

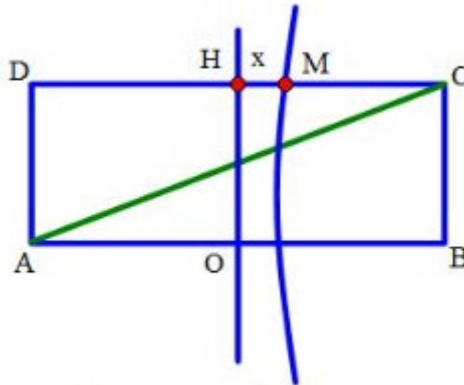
D. 87cm.

☞ **Hướng dẫn:**

Chọn đáp án D

Gọi CB = a; AB = 2a

Do trên AB có 8 điểm cực đại ngược pha với trung điểm O như hình vẽ bên:



Các điểm cực đại ngược pha trên AB có $k = \pm 1; \pm 3; \pm 5; \pm 7$

→ Cực đại gần B nhất là cực đại có $k = 8$

$$\Rightarrow 8 < \frac{AB}{\lambda} < 9 \Rightarrow 4\lambda < a < 4,5\lambda$$

Xét điểm C: $d_1 = \sqrt{5}a; d_2 = a$

$$\text{Độ lệch pha hai sóng tới là: } 10,5\pi < \Delta\varphi^* = \frac{2\pi(d_1 - d_2)}{\lambda} < 11\pi$$

$$\Rightarrow 5,25\pi < \frac{\pi(d_1 - d_2)}{\lambda} < 5,5\pi \Rightarrow \cos\left[\frac{\pi(d_1 - d_2)}{\lambda}\right] < 0$$

$$\text{Phương trình sóng tại C là: } u_C = 2A \cdot \cos\left[\frac{\pi(d_1 - d_2)}{\lambda}\right] \cos\left(\omega t - \frac{\pi(d_1 + d_2)}{\lambda}\right)$$

Do $\cos\left[\frac{\pi(d_1 - d_2)}{\lambda}\right] < 0 \Rightarrow$ C ngược pha với nguồn:

$$\frac{\pi(d_1 + d_2)}{\lambda} + \pi = (2k + 1)\pi \Rightarrow d_1 + d_2 = 2k\lambda$$

$$\Rightarrow d_1 + d_2 = k2\lambda \Rightarrow (\sqrt{5} + 1)a = 2k\lambda \Rightarrow 12,94 < 2k < 14,56$$

$$\Rightarrow k = 7 \Rightarrow a = 4,32\lambda$$

Xét điểm M:

$$\text{Điều kiện cực đại: } d_1 - d_2 = \lambda \Rightarrow \sqrt{a^2 + (a+x)^2} - \sqrt{a^2 + (a-x)^2} = \lambda$$

$$\Rightarrow x = 0,709\lambda \Rightarrow \lambda = 10,03(\text{cm}) \Rightarrow AB = 86,66(\text{cm})$$

✓ **Chọn đáp án D**

Câu 38: Hai con lắc lò xo giống hệt nhau được treo trên một giá đỡ nằm ngang cách nhau 16 cm ở nơi có gia tốc rơi tự do $g = \pi^2 \text{ (m/s}^2\text{)}$. Hai con lắc đều dao động điều hòa theo phương thẳng đứng với cùng biên độ, cùng chu kỳ T ($T > 0,3 \text{ s}$) nhưng không cùng pha với nhau. Gọi F_1 và F_2 lần lượt là độ lớn lực đàn hồi của mỗi con lắc trong quá trình dao động. Biết rằng cứ sau khoảng thời gian bằng $0,4/3 \text{ (s)}$ thì $F_1 = F_2 = F$. Khoảng cách xa nhất có thể giữa hai vật nặng của các con lắc **gần nhất** với giá trị nào sau đây?

- A. 43,7 cm. B. 22,6 cm. C. 36,7 cm. D. 31,8 cm.

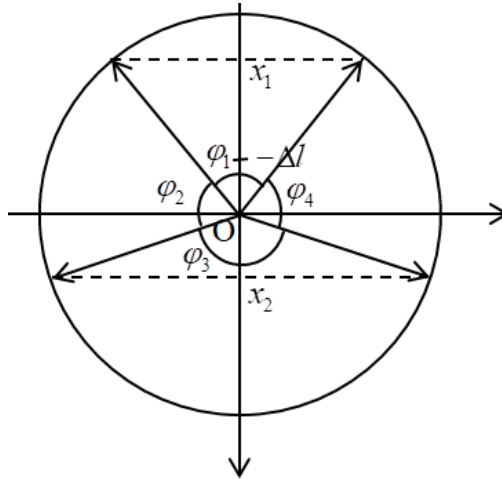
☞ **Hướng dẫn:**

Chọn đáp án D

Lực đàn hồi tác dụng lên vật là: $F_{dh} = k|\Delta l + x|$

Khi $F_1 = F_2 \Rightarrow k|\Delta l + x_1| = k|\Delta l + x_2|$

Ta có vòng tròn lượng giác:



Theo đề bài, cứ sau những khoảng thời gian $t = \frac{0,4}{3} \text{ s}$; $F_1 = F_2 = F$, ta có:

$$\varphi_1 = \varphi_2 = \varphi_3 = \varphi_4 = \omega t$$

$$\Rightarrow x_1 = -A \Leftrightarrow \varphi_1 = \varphi_3 = \varphi_4 = \frac{2\pi}{3}$$

$$\Rightarrow t = \frac{T}{3} = \frac{0,4}{3} \Rightarrow T = 0,4 \text{ (s)}$$

$$\Rightarrow 2\pi\sqrt{\frac{\Delta l}{g}} = 0,4 \Rightarrow \Delta l = 0,04 \text{ (m)} = 4 \text{ (cm)}$$

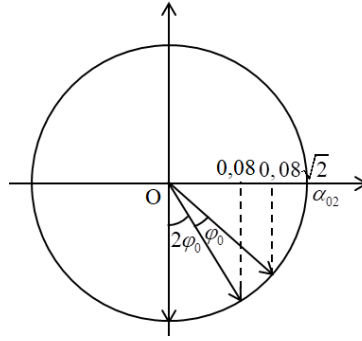
Từ vòng tròn lượng giác ta thấy: $x_2 = \frac{A}{2} \Rightarrow \Delta l + \frac{A}{2} = A - \Delta l \Rightarrow A = 4\Delta l = 16 \text{ (cm)}$

Khoảng cách lớn nhất giữa hai vật theo phương dao động là:

$$\Delta x_{\max} = \sqrt{A^2 + A^2 - 2A^2 \cos \varphi} = \sqrt{2A^2 - 2A^2 \cos \frac{2\pi}{3}} = A\sqrt{3} = 16\sqrt{3} \text{ (cm)}$$

Khoảng cách lớn nhất giữa hai vật là:

$$d_{\max} = \sqrt{d^2 + (\Delta x_{\max})^2} = \sqrt{16^2 + (16\sqrt{3})^2} = 32 \text{ (cm)}$$



Từ vòng tròn lượng giác ta thấy:

$$\frac{\cos\left(\frac{\pi}{2} - 3\varphi_0\right)}{\cos\left(\frac{\pi}{2} - 2\varphi_0\right)} = \frac{0,08\sqrt{2}}{0,08} = \sqrt{2} \Rightarrow \varphi_0 = \frac{\pi}{12} \text{ (rad)}$$

$$\Rightarrow \alpha_{02} \cos\left(\frac{\pi}{2} - 2\varphi_0\right) = 0,08 \Rightarrow \alpha_{02} = 0,16 \text{ (rad)} = \alpha_{01}$$

Nhận thấy góc quét $\frac{\pi}{12}$ tương ứng với 3 ô đơn vị:

$$\frac{\pi}{12} = 3 \cdot \frac{2\pi}{T_2} \Rightarrow T_2 = 72 = 3T_1 \Rightarrow \omega_1 = 3\omega_2$$

$$\text{Chu kì của hai con lắc là: } \frac{T_1^2}{T_2^2} = \frac{\ell_1}{\ell_2} \Rightarrow \frac{\ell_1}{\ell_2} = \frac{24^2}{72^2} = \frac{1}{9} \Rightarrow \ell_2 = 9\ell_1$$

$$\ell_1 + \ell_2 = 1,6 \Rightarrow \ell_2 = 1,44 \text{ (m)}$$

$$\Rightarrow \omega_2 = \sqrt{\frac{g}{\ell_2}} \approx 2,6 \text{ rad/s}$$

Dây treo của hai con lắc song song với nhau, ta có:

$$\alpha_1 = \alpha_2 \Rightarrow \alpha_{01} \cos\left(\omega_1 t - \frac{\pi}{2}\right) = \alpha_{02} \cos\left(\omega_2 t - \frac{\pi}{2}\right)$$

$$\Rightarrow \cos\left(\omega_1 t - \frac{\pi}{2}\right) = \cos\left(\omega_2 t - \frac{\pi}{2}\right) \Rightarrow 3\omega_2 t - \frac{\pi}{2} = \pm\left(\omega_2 t - \frac{\pi}{2}\right) + k2\pi$$

$$\Rightarrow \begin{cases} t_1 = \frac{\pi}{4\omega_2} + \frac{k\pi}{2\omega_2} \approx 0,3 + 0,6k \\ t_2 = \frac{k\pi}{\omega_2} \approx 1,2k \end{cases}$$

Thời điểm thứ 2 dây treo của hai con lắc song song với nhau là: $t=0,9\text{s}$.